**Phụ lục số 01-MP**

*PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ (FOR OFFICIAL USE)*

*Ngày cấp số tiếp nhận (Date acknowledged):* 02 / 10 /2025

*Số tiếp nhận Phiếu công bố (Product Notification No.):* 227 /25/CBMP-NB

*Phiếu công bố có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.*

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH NINH BÌNH

**Trần Huy Đoàn**

☑ Đánh dấu vào ô thích hợp (*Tick where applicable*)

## THÔNG TIN SẢN PHẨM
## PARTICULARS OF PRODUCT

1. Tên nhãn hàng và tên sản phẩm (Name of brand & product):

1.1 Nhãn hàng (Brand)

| S | Ắ | C |  | N | G | Ọ | C |  | K | H | A | N | G |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1.2 Tên sản phẩm (Product Name)

| K | E | M |  | D | Ư | Ỡ | N | G |  | D | A |  | B | A | N |  | Đ | Ê | M |  |  |  |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1.3 Danh sách các dạng hoặc màu (List of Variants or Shade). Tên (Names)

_____

2. Dạng sản phẩm (Product type(s))

☑ Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân,…)
*Creams, emulsions, lotions, gels and oils for skin (hands, face, feet, etc)*

☐ Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hoá học)
*Face masks (with the exception of chemical peeling products)*

☐ Các chất phủ màu (lỏng, nhão, bột)
*Tinted bases (liquids, pastes, powders)*